

Bảng chú giải thuật ngữ

Bảng chú giải này chứa tất cả các thuật ngữ được định nghĩa trong 21 Chuẩn mực kế toán công quốc tế (IPSASs) trên cơ sở dồn tích trong bản phát hành ngày 31 tháng 12 năm 2003. Một danh mục các IPSASs này được đặt trong bìa sau bên trong của Bảng chú giải. Bảng chú giải này không chứa các thuật ngữ được định nghĩa trong IPSAS trên cơ sở tiền mặt *Báo cáo tài chính trên cơ sở kế toán tiền mặt*. Người sử dụng phải tham chiếu đến IPSAS trên cơ sở tiền mặt đó để biết những thuật ngữ này.

Khi nhiều định nghĩa của cùng một thuật ngữ tồn tại, Bảng chú giải này chỉ ra tất cả các IPSASs trong đó thuật ngữ xuất hiện và định nghĩa áp dụng cho IPSAS cụ thể đó.

Các định nghĩa

Số của Chuẩn mực và số đoạn là tham chiếu đến IPSASs trên cơ sở dồn tích. Ví dụ, '1.6' giúp người sử dụng tham chiếu đến Chuẩn mực kế toán công quốc tế IPSAS 1 *Trình bày báo cáo tài chính*, đoạn 6. Các số tham chiếu được đặt trong ngoặc cho biết một sự thay đổi nhỏ trong từ ngữ.

Thuật ngữ	Định nghĩa	Vị trí
Chính sách kế toán	Là các nguyên tắc, cơ sở, quy định và phương pháp kế toán cụ thể được đơn vị áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.	1.6,3.6, 5.5,6.8, 7.6,18.8
Cơ sở dồn tích	Là cơ sở của kế toán theo đó các giao dịch và sự kiện được ghi nhận khi chúng phát sinh (không căn cứ vào thời điểm thực tế thu hoặc thực tế chi tiền hoặc tương đương tiền). Do đó, các giao dịch và sự kiện được ghi sổ kế toán và trình bày trong BCTC phù hợp với kỳ mà chúng có liên quan. Các yếu tố được ghi nhận theo cơ sở kế toán dồn tích là tài sản, nợ phải trả, tài sản thuần, vốn chủ sở hữu, doanh thu và chi phí.	1.6,6.8, 4.9,5.5, 6.8,7.6, 8.5,(2.8)
Thị trường hoạt động	Là một thị trường mà tất cả các điều kiện sau đây cùng tồn tại: (a) Các khoản mục được trao đổi thương mại trên thị trường là đồng nhất; (b) Người mua và người bán có thiện chí có thể gặp nhau bất cứ lúc nào; (c) Giá cả được xã hội chấp nhận.	21.14

Tài sản¹	Là các nguồn lực được kiểm soát bởi đơn vị như là kết quả của các sự kiện trong quá khứ và từ các lợi ích kinh tế trong tương lai hoặc lợi ích tiềm tàng mà đơn vị có thể thu được.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5
Đơn vị liên kết	Là đơn vị trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là đơn vị bị kiểm soát hoặc đơn vị liên doanh của nhà đầu tư.	1.6,2.8, 4.9,6.8, 7.6,8.5
Chi phí đi vay	Là lãi tiền vay và các chi phí khác đơn vị phải gánh chịu phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của đơn vị.	1.6,3.6, 5.5
Giá trị còn lại (của BĐSĐT)	Là giá trị của tài sản được ghi nhận trên BCDKT.	16.6
Giá trị còn lại của tài sản	Là giá trị tài sản được ghi nhận trên BCDKT sau khi trừ hao mòn lũy kế và các khoản lỗ tổn thất lũy kế	10.7, 21.14
Giá trị ghi sổ của nợ phải trả	Là giá trị của khoản nợ phải trả được ghi nhận trên BCDKT	10.7
Tiền mặt	Tiền bao gồm tiền tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.	1.6,2.8, 439,5.5, 6.8,8.5, 10.7
Các khoản tương đương tiền	Là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.	1.6,2.8, 3.6,4.9
Các luồng tiền	Là luồng vào và luồng ra của tiền và tương đương tiền.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 8.5

¹ Tài sản thể hiện một ý nghĩa khi đơn vị đạt được các mục tiêu của họ. Những tài sản được sử dụng để phân phối hàng hoá hoặc dịch vụ phù hợp với các mục tiêu của đơn vị nhưng không trực tiếp tạo ra luồng tiền thuần thường được mô tả như “tiềm năng dịch vụ”. Các tài sản được sử dụng để tạo ra luồng tiền thuần được mô tả như “lợi ích kinh tế trong tương lai” để tổng hợp tất cả các mục đích mà tài sản có thể được sử dụng. Các chuẩn mực này sử dụng thuật ngữ “Lợi ích tiềm tàng” và “Lợi ích kinh tế trong tương lai” để mô tả các đặc điểm của tài sản

Các tài sản tạo tiền	Là tài sản nắm giữ để tạo ra thu nhập mang tính thương mại.	21.14
Loại/Nhóm TSCĐ	Là tổ hợp tài sản có bản chất hoặc chức năng tương tự trong hoạt động của đơn vị và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt cho mục đích trình bày BCTC.	17.12
Các thành viên gần gũi trong gia đình của một cá nhân	Là các thành viên mật thiết trong gia đình hoặc họ hàng gần gũi của một cá nhân mà cá nhân đó là những người có thể chi phối các giao dịch của đơn vị hoặc bị ảnh hưởng bởi các thành viên gần gũi trong gia đình khi giao dịch với đơn vị.	20.4
Tỷ giá cuối kỳ	Là tỷ giá giao ngay tại ngày báo cáo.	4.9
BCTC hợp nhất	Là báo cáo tài chính của một đơn vị kinh tế được trình bày như báo cáo tài chính của một đơn vị độc lập.	1.6,4.9, 6.8,7.6, 8.5
Hợp đồng xây dựng	Là hợp đồng bằng văn bản hoặc thoả thuận có tính ràng buộc tương tự được thoả thuận cụ thể về việc xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng của chúng.	11.4
Nghĩa vụ liên đới	Là nghĩa vụ phát sinh từ các hoạt động của đơn vị do: (a) Khuôn mẫu được thiết lập từ các thông lệ trong quá khứ khi thông qua các chính sách đã ban hành hoặc hồ sơ, tài liệu hiện tại có liên quan để chứng minh cho các đối tác khác biết rằng đơn vị sẽ chấp nhận và thực hiện những nghĩa vụ cụ thể; (b) Sự kỳ vọng có giá trị pháp lý mà đơn vị đã tạo ra đối với các bên khác khi cam kết chịu trách nhiệm thanh toán.	19.18
Tài sản tiềm tàng	Là tài sản có khả năng phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra trong quá khứ và sự tồn tại của tài sản này chỉ được xác nhận bởi khả năng xảy ra hoặc không xảy ra của một hoặc nhiều sự kiện không chắc chắn trong tương lai mà đơn vị không kiểm soát được.	19.18

Nợ phải trả tiềm tàng	<p>(a) Là nghĩa vụ nợ có khả năng phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra và sự tồn tại của nghĩa vụ nợ này sẽ chỉ được xác nhận bởi khả năng xảy ra hoặc không xảy ra của một hoặc nhiều sự kiện không chắc chắn trong tương lai mà đơn vị không kiểm soát được; hoặc</p> <p>(b) Nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra nhưng chưa được ghi nhận vì:</p> <p>(i) Không chắc chắn có sự giảm sút về lợi ích kinh tế do việc phải thanh toán nghĩa vụ nợ; hoặc</p> <p>(ii) Giá trị của nghĩa vụ nợ không được xác định một cách đáng tin cậy.</p>	19.18
Tiền thuê tiềm tàng	Là khoản thanh toán tiền thuê phải trả không cố định được căn cứ vào các nhân tố ngoại trừ nhân tố thời gian (như tỷ lệ phần trăm doanh thu, giá trị sử dụng, lãi suất thị trường, chỉ số giá).	13.7
Nhà thầu	Là đơn vị thực hiện công việc xây dựng theo hợp đồng xây dựng.	11.4
Các khoản vốn góp của chủ sở hữu	<p>Là các lợi ích kinh tế trong tương lai đơn vị nhận được từ bên ngoài nhưng không làm phát sinh nợ phải trả của đơn vị mà góp phần tạo ra tài sản thuần/vốn chủ sở hữu của đơn vị. Những khoản này có đặc điểm:</p> <p>(a) Có quyền phân phối các lợi ích kinh tế trong tương lai trong suốt thời gian góp vốn, việc phân phối đó được thực hiện theo quyết định của chủ sở hữu hoặc người đại diện của họ và có quyền phân phối phân chênh lệch tài sản lớn hơn nợ phải trả</p> <p>(b) Có thể bán, trao đổi, chuyển nhượng hoặc mua lại.</p>	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5
Kiểm soát	Là quyền chi phối các chính sách tài chính và chính sách hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của đơn vị đó.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5
Đơn vị bị kiểm soát	Là đơn vị nằm dưới quyền kiểm soát của một đơn vị khác (gọi là đơn vị kiểm soát).	1.6,2.8, 4.9,5.5,

		6.8,8.5, (7.6)
Đơn vị kiểm soát	Là đơn vị có một hoặc nhiều đơn vị bị kiểm soát.	1.6,2.8, 4.9,5.5, 6.8,7.6, 8.5
Giá gốc/nguyên giá/giá phí/chỉ phí	Là giá trị tiền hoặc các khoản tương tiền đã trả hoặc giá trị hợp lý của các khoản phải trả để có được tài sản tại thời điểm mua hoặc xây dựng.	16.6, 17.12
Phương pháp giá gốc	Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của nhà đầu tư được chia từ thặng dư thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.	2.8,7.6
Hợp đồng với chi phí phụ thêm	Là hợp đồng xây dựng trong đó nhà thầu được hoàn lại các chi phí thực tế được phép thanh toán, cộng (+) thêm một khoản được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên những chi phí này hoặc được tính thêm một khoản phí cố định.	11.4
Chi phí thanh lý	Là khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc thanh lý tài sản, không bao gồm các chi phí tài chính và chi phí thuế TNDN.	21.14
Chi phí thay thế hiện hành	Là chi phí đơn vị phải gánh chịu để có được tài sản tại ngày báo cáo.	12.6
Giá trị khấu hao	Là nguyên giá của TSCĐ hoặc giá trị khác được thay thế cho nguyên giá TSCĐ trên BCTC trừ đi (-) giá trị thanh lý của TSCĐ.	17.12
Khấu hao	Là việc phân bổ có hệ thống giá trị phải khấu hao của TSCĐ trong suốt thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ.	17.12, 21.14
Hoạt động bị ngừng (Hoạt động gián đoạn)	Là kết quả từ việc bán hoặc dừng một lĩnh vực hoạt động mà lĩnh vực hoạt động đó là một lĩnh vực kinh doanh chủ yếu riêng biệt của đơn vị; Và của những tài sản mà thặng dư, thâm hụt thuần và hoạt động của tài sản đó có thể tách biệt rõ ràng về hình thái và hoạt động cho mục đích lập BCTC.	3.6

Phân phối cho các chủ sở hữu vốn	Là lợi ích kinh tế trong tương lai hoặc lợi ích tiềm tàng mà đơn vị phân phối cho tất cả hoặc một số chủ sở hữu như là thu nhập từ khoản đầu tư của chủ sở hữu hoặc trả lại vốn đầu tư cho chủ sở hữu.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5
Đơn vị kinh tế²	Là một tập đoàn gồm đơn vị kiểm soát và một hoặc nhiều đơn vị bị kiểm soát	1.6,2.8, 4.9,5.5, 6.8,7.6, 8.5
Thời gian sử dụng kinh tế	Là: (a) Khoảng thời gian mà tài sản có thể mang lại lợi ích kinh tế cho người sử dụng tài sản; và (b) Số lượng sản phẩm hay đơn vị tương đương có thể thu được từ tài sản do một hoặc nhiều người sử dụng tài sản.	13.7
Công cụ vốn	Là một hợp đồng chứng minh lợi ích còn lại của tài sản của đơn vị sau khi trừ đi tất cả các khoản nợ phải trả của đơn vị đó	15.9
Phương pháp vốn chủ sở hữu	Là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải phản ánh phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả hoạt động của bên nhận đầu tư. Là phương pháp kế toán mà khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải phản ánh lợi ích của bên góp vốn liên doanh từ kết quả hoạt động của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.	1.6,2.8, 4.9,6.8, 7.6 8.5

² Ghi chú: Thuật ngữ đơn vị kinh tế được sử dụng trong nhiều chuẩn mực để định nghĩa một tập đoàn (cho mục đích lập báo cáo tài chính) gồm đơn vị kiểm soát và các đơn vị bị kiểm soát. Các thuật ngữ khác đôi khi đề cập đến một đơn vị kinh tế gồm “Đơn vị quản lý”, “Đơn vị tài chính” (IPSAS 4: “*đơn vị lập báo cáo tài chính*”), “đơn vị hợp nhất” và “tập đoàn”. Một đơn vị kinh tế có thể gồm nhiều đơn vị với cả các đơn vị hoạt động thương mại và đơn vị công ích. Ví dụ Bộ nhà ở có thể có một đơn vị kinh tế trong đó gồm các đơn vị cung cấp nhà chỉ thu phí trên danh nghĩa cũng như cung cấp nhà cho mục đích thương mại.

Các sự kiện phát sinh sau ngày ngày báo cáo	<p>Là những sự kiện có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến báo cáo tài chính đã phát sinh trong khoảng thời gian từ sau ngày ngày báo cáo đến ngày phát hành báo cáo tài chính.</p> <p>Có hai loại sự kiện phát sinh sau ngày ngày báo cáo:</p> <p>(a) Những sự kiện cung cấp bằng chứng về các sự việc đã tồn tại tại ngày báo cáo (<u>Các sự kiện phát sinh sau ngày ngày báo cáo cần điều chỉnh</u>); và</p> <p>(b) Những sự kiện chỉ ra dấu hiệu về các sự việc đã tồn tại phát sinh sau ngày báo cáo (<u>Các sự kiện phát sinh sau ngày ngày báo cáo không cần điều chỉnh</u>).</p>	14.4
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Là chênh lệch phát sinh từ việc quy đổi của cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo các tỷ giá hối đoái khác nhau.	1.6,4.9, 5.5
Tỷ giá hối đoái	Là tỷ giá trao đổi giữa hai đơn vị tiền tệ.	2.8,4.9, 5.5
Hợp đồng chờ thực hiện	Là các hợp đồng theo đó không bên nào đã thực hiện nghĩa vụ của mình hoặc cả hai bên chỉ thực hiện một phần nghĩa vụ của mình với mức độ tương đương.	19.18
Các khoản chi phí	Là sự giảm sút các lợi ích kinh tế trong kỳ báo cáo dưới hình thức tiêu thụ tài sản và các luồng ra hoặc gánh chịu các khoản nợ phải trả, làm giảm tài sản thuần/vốn chủ sở hữu mà không phải là khoản phân phối cho các chủ sở hữu.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5
Các khoản mục bất thường	Là các khoản doanh thu hoặc chi phí phát sinh từ các giao dịch hoặc sự kiện khác biệt với hoạt động thông thường của đơn vị, không diễn ra thường xuyên hoặc đều đặn và nằm ngoài sự kiểm soát hoặc vòng ảnh hưởng của đơn vị.	1.6,2.8, 3.6,4.9
Giá trị hợp lý	Là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.	1.6,4.9, 7.6,9.11, 15.9, 16.6,17.12
Giá trị hợp lý	Là giá trị có thể thu được từ việc bán một tài sản	21.14

trừ chi phí bán (của tài sản)	một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá trừ đi (-) chi phí thanh lý.	
Thuê tài chính	Là thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao hoặc không chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.	13.7
Tài sản tài chính	Là các tài sản: (a) Tiền; (b) Quyền theo hợp đồng để nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ đơn vị khác; (c) Quyền theo hợp đồng để trao đổi công cụ tài chính với đơn vị khác dưới các điều kiện có lợi tiềm tàng; hoặc (d) Công cụ vốn của đơn vị khác	1.6,15.9
Công cụ tài chính	Là hợp đồng làm phát sinh cả tài sản tài chính của một đơn vị lẫn nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn của đơn vị khác. Các hợp đồng có tính chất như trao đổi hàng hoá làm mỗi bên có quyền thanh toán bằng tiền hoặc bằng một số công cụ tài chính khác được kế toán như thể chúng đã là các công cụ tài chính ngoại trừ các hợp đồng có tính chất trao đổi hàng hoá mà (a) Được bắt đầu và tiếp tục đáp ứng các yêu cầu được kỳ vọng của đơn vị về việc sử dụng, mua, bán, (b) Được định rõ cho mục đích đó ngay từ đầu và (c) Được kỳ vọng để được thanh toán bằng cách phân phối.	15.9
Nợ phải trả tài chính	Là nghĩa vụ theo hợp đồng: (a) Giao tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác; và (b) Trao đổi công cụ tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện bất lợi tiềm tàng	15.9
Hoạt động tài chính	Là các hoạt động tạo ra các thay đổi về quy mô và kết cấu của vốn chủ sở hữu và vốn vay của đơn vị.	2.8,3.6, 4.9,18.8
Hợp đồng với giá cố định	Là hợp đồng xây dựng trong đó nhà thầu chấp thuận một mức giá cố định cho toàn bộ hợp đồng hoặc	11.4

	<p>một đơn giá cố định trên một đơn vị sản phẩm hoàn thành. Trong một số trường hợp, mức giá đó có thể thay đổi phụ thuộc vào các điều khoản ghi trong hợp đồng.</p>	
Ngoại tệ	Là đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của đơn vị.	1.6,2.8, 4.9,5.5
Đơn vị ở nước ngoài	Là một hoạt động ở nước ngoài, mà các hoạt động của nó là một phần độc lập đối với đơn vị lập báo cáo.	3.6,4.9
Hoạt động ở nước ngoài	Là các chi nhánh, đơn vị bị kiểm soát, đơn vị liên kết, đơn vị liên doanh, của đơn vị lập báo cáo mà hoạt động của các đơn vị này được thực hiện ở một nước khác ngoài nước sở tại của đơn vị báo cáo.	1.6,3.6, 4.9
Các sai sót cơ bản	Là các sai sót được phát hiện trong kỳ hiện tại làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính của một hoặc nhiều kỳ trước, khiến chúng không còn được coi là đáng tin cậy tại ngày phát hành.	1.6,3.6
Đơn vị kinh doanh bằng vốn Nhà nước³	<p>Là đơn vị có các đặc điểm sau:</p> <p>(a) Là một đơn vị có quyền ký hợp đồng dưới tên của đơn vị mình;</p> <p>(b) Được phép hoạt động và sử dụng nguồn tài chính để thực hiện công việc kinh doanh;</p> <p>(c) Bán hàng hoá hoặc dịch vụ trong một chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường cho đơn vị khác với mức có lợi nhuận hoặc thu hồi được toàn bộ chi phí bỏ ra;</p> <p>(d) Không dựa vào tài trợ của Chính phủ để hoạt động liên tục (Không dựa vào các giao dịch trao đổi không ngang giá); và</p> <p>(e) Được kiểm soát bởi đơn vị kế toán công.</p>	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5, 21.14

³ Ghi chú: Đơn vị kinh doanh bằng vốn Nhà nước gồm cả các đơn vị kinh doanh thương mại như các đơn vị công ích và các đơn vị kinh doanh trong lĩnh vực tài chính như các tổ chức tài chính. Đơn vị kinh doanh bằng vốn Nhà nước về bản chất không khác biệt so với các đơn vị có hoạt động tương tự thuộc thành phần kinh tế tư nhân. Nhìn chung, đơn vị kinh doanh bằng vốn Nhà nước hoạt động để tạo ra lợi nhuận mặc dù một số đơn vị có nghĩa vụ hạn chế phục vụ cộng đồng theo các quy định bắt buộc để cung cấp hàng hoá hoặc dịch vụ miễn phí hoặc với giá rất rẻ cho các cá nhân và tổ chức trong cộng đồng. IPSAS 6 “*Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào đơn vị bị kiểm soát*” cung cấp hướng dẫn trong việc xác định sự kiểm soát có tồn tại hay không khi lập và trình bày BCTC và được đề cập trong việc xác định đơn vị kinh doanh bằng vốn Nhà nước có bị một đơn vị công khác kiểm soát hay không.

Tổng giá trị đầu tư trong hợp đồng thuê	Là tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu theo hợp đồng thuê tài chính (đối với bên cho thuê) cộng (+) giá trị còn lại của tài sản thuê không được đảm bảo.	13.7
Giá trị còn lại được đảm bảo	(a) Đối với bên thuê: Là phần giá trị còn lại của tài sản thuê được bên thuê hoặc bên liên quan với bên thuê đảm bảo thanh toán cho bên cho thuê (Giá trị đảm bảo là số tiền bên thuê phải trả cao nhất trong bất cứ trường hợp nào); và (b) Đối với bên cho thuê: Là phần giá trị còn lại của tài sản thuê được bên thuê hoặc bên thứ ba có khả năng tài chính không liên quan với bên cho thuê, đảm bảo thanh toán.	13.7
Tồn thất	Là lợi ích kinh tế trong tương lai hoặc các lợi ích tiềm tàng của tài sản mất đi do việc ghi nhận một cách có hệ thống khoản giảm sút lợi ích kinh tế trong tương lai của tài sản thông qua khấu hao	21.14
Lỗ tổn thất của tài sản không tạo tiền	Là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản lớn hơn giá trị có thể thu hồi tài sản đó.	21.14
Khởi đầu thuê tài sản	Là ngày xảy ra trước của một trong hai (2) ngày: Ngày thoả thuận hoặc ngày cam kết giữa các bên về các điều khoản quy định trong hợp đồng	13.7
Hợp đồng bảo hiểm	Là hợp đồng quy định bên nhận bảo hiểm phải chịu những rủi ro nhất định của khoản lỗ từ các sự kiện hoặc trường hợp phát sinh trong một khoảng thời gian cụ thể (gồm chết, ốm, thương vong, tài sản bị hư hỏng, hoạt động bị ngừng)	15.9
Lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài chính	Là tỷ lệ chiết khấu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, để tính giá trị hiện tại của: (a) Khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu; và (b) Giá trị còn lại không được đảm bảo bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê.	13.7
Hàng tồn kho	Là những tài sản: (a) Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ được tiêu thụ trong quá trình sản xuất; (b) Dưới hình thức nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ được tiêu thụ hoặc phân phối trong việc	12.6

	cung cấp dịch vụ;	
	(c) Được giữ để bán hoặc phân phối trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường; và	
	(d) Đang trong quá trình sản xuất để bán hoặc phân phối.	
Hoạt động đầu tư	Là các hoạt động mua sắm, xây dựng, thanh lý, nhượng bán các tài sản dài hạn và các khoản đầu tư khác không phải là các khoản tương đương tiền.	2.8,4.9, 18.8
Bất động sản đầu tư	Là bất động sản (đất và nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất) nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:	16.6
	(a) Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc	
	(b) Bán trong kỳ hoạt động thông thường.	
Nhà đầu tư	Nhà đầu tư trong liên doanh là một bên có vốn góp trong liên doanh nhưng không có quyền đồng kiểm soát liên doanh đó.	2.8,6.8, 7.6,8.5
Đồng kiểm soát	Là việc đồng ý chia sẻ quyền kiểm soát đối với một hoạt động bởi các thỏa thuận có tính ràng buộc.	6.8,8.5
Liên doanh	Là thỏa thuận có tính ràng buộc của hai hoặc nhiều bên cam kết cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát.	1.6,2.8, 4.9,6.8, 7.6,8.5
Cán bộ quản lý chủ chốt	(a) Ban Giám đốc hoặc các thành viên Ban điều hành đơn vị; và	20.4
	(b) Những người khác có quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của đơn vị báo cáo. Khi đáp ứng được yêu cầu này, nhân viên quản lý chủ chốt bao gồm:	
	(i) Thành viên của ban điều hành có quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của đơn vị báo cáo;	
	(ii) Các cố vấn chủ chốt của thành viên đó; và	
	(iii) Ngoại trừ các đối tượng ở mục (a) còn có nhóm quản lý cao cấp của đơn vị báo cáo,	

bao gồm giám đốc điều hành hoặc lãnh đạo thường trực của đơn vị báo cáo.

Thuê	Là sự thoả thuận giữa bên cho thuê và bên thuê về việc bên cho thuê chuyển quyền sử dụng tài sản cho bên thuê trong một khoảng thời gian nhất định để được nhận tiền cho thuê một lần hoặc nhiều lần.	13.7
Thời hạn thuê	Là khoảng thời gian của hợp đồng thuê tài sản không huỷ ngang cộng (+) với khoảng thời gian bên thuê được gia hạn thuê tài sản đã ghi trong hợp đồng, phải trả thêm hoặc không phải trả thêm chi phí nếu quyền gia hạn này xác định được tương đối chắc chắn ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.	13.7
Nghĩa vụ pháp lý	Là nghĩa vụ phát sinh từ: (a) Một hợp đồng (Thông qua các điều khoản được xác định rõ ràng hoặc ngầm ẩn trong hợp đồng); (b) Các quy định của pháp luật; hoặc (c) Các hoạt động khác theo luật.	19.18
Lãi suất biên đi vay	Là lãi suất mà bên thuê sẽ phải trả cho một hợp đồng thuê tài chính tương tự hoặc là lãi suất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản mà bên thuê sẽ phải trả để vay một khoản cần thiết cho việc mua tài sản với một thời hạn và với một đảm bảo tương tự.	13.7
Nợ phải trả	Là nghĩa vụ hiện tại của đơn vị phát sinh từ các sự kiện trong quá khứ mà việc thanh toán nghĩa vụ này sẽ làm giảm sút các nguồn lợi ích kinh tế của đơn vị.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5, 19.18
Giá trị thị trường	Là số tiền có thể thu được từ giao dịch bán, số tiền phải trả từ giao dịch mua hoặc giá trị của công cụ tài chính trên thị trường hoạt động	15.9
Trọng yếu	Thông tin được coi là trọng yếu nếu việc bỏ sót hoặc báo cáo sai thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của thông tin hoặc các sai sót được đánh giá trong hoàn cảnh cụ thể.	1.6

Khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	<p>Là khoản thanh toán mà bên thuê phải trả cho bên cho thuê về việc thuê tài sản theo thời hạn trong hợp đồng (Không bao gồm các khoản chi phí dịch vụ và thuế do bên cho thuê đã trả mà bên thuê phải hoàn lại và tiền thuê phát sinh thêm), kèm theo:</p> <p>(a) Đối với bên thuê, bất cứ giá trị nào được bên thuê hoặc một bên liên quan đến bên thuê đảm bảo thanh toán;</p> <p>(b) Đối với bên cho thuê: Là giá trị còn lại của tài sản cho thuê được đảm bảo thanh toán bởi:</p> <p>(i) Bên thuê;</p> <p>(ii) Một bên liên quan đến bên thuê; hoặc</p> <p>(iii) Một bên thứ ba độc lập có khả năng tài chính.</p> <p>Nếu bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản thuê với giá thấp hơn giá trị hợp lý vào ngày mua thì quyền lựa chọn phải được xác định tại thời điểm khởi đầu hợp đồng thuê. Trường hợp này, khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu bao gồm tiền thuê tối thiểu ghi trong hợp đồng theo thời hạn thuê và khoản thanh toán cần thiết cho việc mua tài sản đó.</p>	13.7
Lợi ích của cổ đông thiểu số	<p>Là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một đơn vị bị kiểm soát liên quan tới phần lợi ích không phải do đơn vị kiểm soát sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các đơn vị bị kiểm soát.</p>	1.6,2.8, 4.9,6.8
Các khoản mục tiền tệ	<p>Là tiền, các khoản phải thu, hoặc nợ phải trả bằng một lượng tiền cố định hoặc có thể xác định được.</p>	4.9,10.7
Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có tính chất tiền tệ (cũng được đề cập như công cụ tài chính có tính chất tiền tệ)	<p>Là tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính được nhận hoặc phải trả bằng một số tiền nhất định hoặc có thể xác định được.</p>	15.9

Tài sản thuần/vốn chủ sở hữu⁴	Là phần lợi ích còn lại của tổng tài sản của đơn vị sau khi trừ (-) nợ phải trả.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5
Đầu tư thuần trong cơ sở ở nước ngoài	Là phần vốn của đơn vị báo cáo trong tổng tài sản thuần/vốn chủ sở hữu của cơ sở nước ngoài đó.	4.9
Đầu tư thuần trong hợp đồng thuê tài chính	Là tổng giá trị khoản đầu tư trong hợp đồng thuê tài chính trừ đi (-) doanh thu tài chính chưa thực hiện.	13.7
Giá trị thuần có thể thực hiện được	Là giá bán ước tính trong kỳ hoạt động thông thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thiện và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán, trao đổi hoặc phân phối.	12.6
Thặng dư/thâm hụt thuần	Bao gồm các thành phần sau: (a) Thặng dư hoặc thâm hụt từ hoạt động thông thường; và (b) Các khoản mục bất thường	1.6,2.8, 3.6,4.9, 6.8,7.6
Hợp đồng thuê tài sản không huỷ ngang	Là hợp đồng thuê chỉ có thể huỷ ngang khi: (a) Xảy ra sự kiện bất thường; (b) Được sự đồng ý của bên cho thuê; (c) Nếu 2 bên thoả thuận một hợp đồng mới về thuê chính tài sản đó hoặc tài sản tương tự; (d) Bên thuê thanh toán thêm một khoản tiền ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, việc tiếp tục hợp đồng thuê là khá chắc chắn.	13.7
Tài sản không tạo tiền	Là tài sản không phải là tài sản tạo tiền.	21.14
Các khoản mục phi tiền tệ	Là các khoản mục không phải là các khoản mục tiền tệ.	10.7
Sự kiện có tính	Là sự kiện làm nảy sinh một nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới khiến cho đơn vị không có sự lựa	19.18

⁴ Ghi chú: Tài sản thuần/vốn chủ sở hữu là thuật ngữ được sử dụng trong nhiều chuẩn mực để đề cập tới việc đánh giá phần còn lại của tài sản trừ đi nợ phải trả trên BCDKT. Tài sản thuần/vốn chủ sở hữu có thể là dương hoặc âm. Các thuật ngữ khác có thể được sử dụng để thay cho tài sản thuần/vốn chủ sở hữu miễn là nghĩa của chúng rõ ràng.

chất bắt buộc	chọn nào khác ngoài việc thực hiện nghĩa vụ đó.	
Khế ước	Là hợp đồng trao đổi tài sản hoặc dịch vụ mà các chi phí không thể tránh được từ việc đáp ứng các nghĩa vụ theo hợp đồng vượt quá lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng đó.	19.18
Hoạt động kinh doanh	Là các hoạt động không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính.	2.8,3.6, 4.9,18.8
Thuê hoạt động	Là thuê tài sản không phải là thuê tài chính.	13.7
Hoạt động thông thường	Là các hoạt động được thực hiện bởi một đơn vị như là một phần của các hoạt động thương mại và cung cấp dịch vụ. Các hoạt động thông thường bao gồm những hoạt động mà đơn vị cam kết thực hiện hoặc các hoạt động có thể xảy ra hoặc phát sinh từ các cam kết này.	1.6,3.6, 4.9
Sự giám sát	Là sự kiểm tra xem xét các hoạt động của một đơn vị với quyền và trách nhiệm kiểm soát, thực thi ảnh hưởng đáng kể đối với các quyết định về tài chính và hoạt động của đơn vị.	20.4
BDS chủ sở hữu sử dụng	Là bất động sản do người chủ sở hữu hoặc người đi thuê tài sản theo hợp đồng thuê tài chính nắm giữ nhằm mục đích sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý.	16.6
Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị	Là những tài sản: (a) Đơn vị nắm giữ nhằm mục đích sản xuất hoặc bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ, cho bên khác thuê hay cho mục đích quản lý; và (b) Được sử dụng trong khoảng thời gian dài hơn một kỳ báo cáo.	17.1
Hợp nhất theo tỷ lệ	Là phương pháp kế toán và lập BCTC khi phần tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí của bên tham gia liên doanh trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hợp nhất trên cơ sở cộng từng dòng với các khoản mục tương tự trên BCTC của bên tham gia góp vốn liên doanh hoặc được báo cáo như các khoản mục riêng biệt trong BCTC của bên góp vốn liên doanh.	2.8,4.9, 8.5

Dự phòng	Là khoản nợ phải trả chưa chắc chắn về giá trị và thời gian thanh toán.	19.18
Tài sản dở dang	Là tài sản cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.	1.6,5.5
Giá trị dịch vụ có thể thu hồi	Là phần lớn hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản không tạo tiền trừ đi (-) chi phí bán và giá trị sử dụng của nó.	21.14
Các bên liên quan	<p>Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc nếu bên liên quan và các bên khác phụ thuộc vào sự kiểm soát chung. Các bên liên quan bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) Các đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên kiểm soát trung gian hoặc bị kiểm soát; (b) Đơn vị liên kết (theo CMKT công số 7 - Kế toán các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết); (c) Cá nhân có quyền sở hữu trực tiếp hay gián tiếp lợi ích trong đơn vị báo cáo và có ảnh hưởng đáng kể đến đơn vị hoặc các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân đó; (d) Nhân viên quản lý chủ chốt và thành viên mật thiết trong gia đình của nhân viên quản lý chủ chốt; và (e) Các đơn vị do các cá nhân được mô tả trong đoạn (c) và (d) trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc những người có ảnh hưởng đáng kể đối với các cá nhân đó. 	20.4
Giao dịch giữa các bên liên quan	Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không. Giao dịch giữa các bên liên quan không bao gồm các giao dịch với một đơn vị khác mà đơn vị đó chỉ được coi là một bên liên quan do sự phụ thuộc về lợi ích kinh tế của đơn vị đó vào đơn vị báo cáo hoặc cơ quan thành lập ra đơn vị đó.	20.4
Tiền công của nhân viên quản lý chủ chốt	Là lương và các khoản có tính chất lương mà nhân viên quản lý chủ chốt nhận được trực tiếp hay gián tiếp từ đơn vị báo cáo cho các dịch vụ được cung cấp trong khả năng của họ với tư cách là các thành	20.4

	viên ban điều hành hoặc với tư cách người lao động của đơn vị báo cáo.	
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong BCTC	Là đơn vị tiền tệ được sử dụng trong việc lập và trình bày BCTC.	1.6,2.8, 4.9
Ngày báo cáo	Là ngày cuối cùng của kỳ báo cáo mà BCTC có liên quan.	1.6,2.8, 4.9,6.8, 7.6,14.4
Giá trị có thể thu hồi sau khi trừ chi phí thanh lý ước tính	Là giá trị thuần mà đơn vị dự tính thu được từ tài sản khi hết thời gian sử dụng hữu ích sau khi trừ chi phí thanh lý ước tính.	17.12
Tái cơ cấu	Là một chương trình do Ban Giám đốc lập kế hoạch, kiểm soát và có những thay đổi quan trọng về: (a) Phạm vi hoạt động của đơn vị; hoặc (b) Cách thức thực hiện các hoạt động đó.	19.18
Doanh thu	Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế đơn vị thu được trong kỳ báo cáo làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không phải là khoản vốn góp của chủ sở hữu.	1.6,2.8, 3.6,4.9, 5.5,6.8, 7.6,8.5, 9.11, 18.8
Bộ phận	Là hoạt động hoặc nhóm các hoạt động có thể tách biệt của một đơn vị. Thông tin tài chính của các hoạt động đó cần được báo cáo riêng rẽ cho mục đích đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu của đơn vị và trong việc đưa ra các quyết định về việc phân bổ các nguồn lực trong tương lai.	18.9
Chính sách kế toán bộ phận	Là các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của tập đoàn hoặc đơn vị bao gồm cả chính sách kế toán có liên quan cụ thể đến việc lập báo cáo tài chính bộ phận.	18.27
Tài sản bộ phận	Là tài sản đang được bộ phận đó sử dụng trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh và được tính trực	18.27

tiếp hoặc được phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý.

Tài sản bộ phận gồm:

- Các khoản phải thu, khoản cho vay, các khoản đầu tư hoặc tài sản khác tạo ra doanh thu bộ phận của một bộ phận, bao gồm cả doanh thu tiền lãi hoặc cổ tức;
- Các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu nếu thặng dư hoặc thâm hụt thuần từ các khoản đầu tư đó được bao gồm trong doanh thu bộ phận; và
- Phần sở hữu về tài sản của các bên liên doanh trong liên doanh được kế toán theo phương pháp hợp nhất theo tỷ lệ phù hợp với CMKT công quốc tế số 8 – BCTC về các khoản vốn góp liên doanh.

Tài sản bộ phận không bao gồm thuế TNDN hoặc các tài sản có tính chất tương tự thuế TNDN đã được ghi nhận phù hợp với các CMKT hướng dẫn kế toán ảnh hưởng của thuế TNDN.

Chi phí bộ phận	Là chi phí phát sinh từ các hoạt động kinh doanh của bộ phận được tính trực tiếp cho bộ phận đó và phân chi phí của đơn vị được phân bổ một cách hợp lý cho bộ phận đó, bao gồm cả chi phí bán hàng ra bên ngoài và chi phí có liên quan đến những giao dịch với bộ phận khác của đơn vị. Chi phí bộ phận không bao gồm:	18.27
	a) Các khoản mục bất thường;	
	b) Chi phí tiền lãi vay, kể cả tiền lãi phải trả phát sinh đối với khoản tiền ứng trước hoặc tiền vay từ các bộ phận khác, trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính;	
	c) Lỗ từ việc bán các khoản đầu tư hoặc lỗ do xoá nợ, trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính;	
	d) Phần sở hữu của đơn vị trong khoản thâm hụt thuần hoặc lỗ do đầu tư vào các đơn vị liên kết, đơn vị liên doanh hoặc các khoản đầu tư tài chính khác được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu;	
	e) Thuế TNDN hoặc chi phí tương tự thuế TNDN	

được ghi nhận phù hợp với các CMKT hướng dẫn kế toán ảnh hưởng của thuế TNDN; hoặc

- f) Chi phí quản lý hành chính chung và các chi phí khác phát sinh ở cấp độ đơn vị có liên quan đến tất cả các bộ phận. Tuy nhiên, chi phí đôi khi phát sinh ở cấp độ đơn vị nhưng chỉ là các khoản chi hộ bộ phận và được coi là chi phí bộ phận nếu chi phí đó liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của bộ phận và những chi phí này có thể được tính trực tiếp hoặc phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý.

Chi phí bộ phận gồm cả phần chi phí của bên góp vốn liên doanh trong liên doanh được kế toán theo phương pháp hợp nhất theo tỷ lệ phù hợp CMKT công quốc tế số 8 – BCTC về các khoản vốn góp liên doanh.

Nợ phải trả bộ phận

Là các khoản nợ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của một bộ phận được tính trực tiếp hoặc phân bổ cho bộ phận đó một cách hợp lý. 18.27

Nợ phải trả bộ phận gồm:

- Phần nợ phải trả các bên tham gia liên doanh phải gánh chịu trong tổng nợ phải trả của liên doanh được kế toán theo phương pháp hợp nhất theo tỷ lệ phù hợp với CMKT công quốc tế số 8 – BCTC về các khoản vốn góp liên doanh
- Các khoản nợ phải trả chịu lãi liên quan đến chi phí bộ phận của một bộ phận bao gồm cả chi phí lãi vay.

Nợ phải trả bộ phận không bao gồm thuế TNDN hoặc các khoản nợ phải trả có tính chất tương tự thuế TNDN được ghi nhận phù hợp với quy định của các CMKT hướng dẫn kế toán ảnh hưởng của thuế TNDN

Doanh thu bộ phận

Là doanh thu trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị được tính trực tiếp hoặc phần doanh thu của đơn vị phân bổ cho bộ phận một cách hợp lý, bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận khác của đơn vị. Doanh thu bộ phận không bao gồm: 18.27

- (a) Các khoản mục bất thường;

- (b) Doanh thu từ tiền lãi hoặc cổ tức, kể cả tiền lãi thu được trên các khoản nhận trước hoặc các khoản tiền cho các bộ phận khác vay, trừ khi hoạt động của bộ phận chủ yếu là hoạt động tài chính; hoặc
- (c) Lãi từ việc bán các khoản đầu tư hoặc lãi từ việc xoá nợ trừ khi hoạt động của bộ phận đó chủ yếu là hoạt động tài chính.

Doanh thu của bộ phận bao gồm: Phần thặng dư hoặc thâm hụt của đơn vị trong đơn vị liên kết, đơn vị liên doanh hoặc các khoản đầu tư khác được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi các khoản doanh thu đó nằm trong doanh thu hợp nhất của tập đoàn; Và phần sở hữu của bên tham gia liên doanh trong doanh thu của liên doanh được kế toán phù hợp với CMKT công quốc tế số 8 – BCTC đối với các khoản lợi ích từ hoạt động liên doanh.

Ảnh hưởng đáng kể

Là quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và chính sách hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó. 6.8,7.6

Là quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và chính sách hoạt động của một hoạt động nhưng không kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách đó. 8.5

Quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và chính sách hoạt động của một đơn vị nhưng không kiểm soát các chính sách đó. Ảnh hưởng đáng kể có thể được thể hiện bằng nhiều cách, thông thường là có đại diện trong Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương của đơn vị liên kết; Có quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách; Có các giao dịch quan trọng giữa nhà đầu tư và bên nhận đầu tư; Có sự trao đổi về cán bộ quản lý; Có sự cung cấp thông tin kỹ thuật quan trọng. Ảnh hưởng đáng kể có thể đạt được bởi quyền sở hữu vốn, quy chế hoặc thỏa thuận. Đối với quyền sở hữu vốn, ảnh hưởng đáng kể được mô tả phù hợp với định nghĩa trong CMKT công quốc tế số 7 “Kế toán các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết”. 20.4

Thặng dư/thâm hụt từ hoạt động

Là giá trị còn lại sau khi chi phí phát sinh từ hoạt động thông thường được khấu trừ với doanh thu 1.6,2.8,

thông thường	phát sinh từ hoạt động thông thường.	3.6,4.9
Doanh thu tài chính chưa thực hiện	Là chênh lệch giữa: (a) Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu theo hợp đồng thuê và giá trị còn lại không được đảm bảo, và (b) Giá trị hiện tại của các khoản trên tính theo tỷ lệ lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài chính.	13.7
Giá trị còn lại của tài sản thuê không được đảm bảo	Là phần giá trị còn lại của tài sản thuê mà bên cho thuê không đảm bảo việc bán tài sản cho bên đi thuê hoặc chỉ được một bên liên quan với bên cho thuê đảm bảo.	13.7
Thời gian sử dụng hữu ích (của tài sản thuê)	Là khoảng thời gian còn lại của tài sản thuê kể từ thời điểm bắt đầu thuê, không giới hạn theo thời hạn hợp đồng thuê mà đơn vị dự kiến sử dụng lợi ích kinh tế gắn liền với tài sản.	13.7
Thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ	Là: (a) Thời gian mà đơn vị dự tính sử dụng TSCĐ hữu hình; hoặc (b) Số lượng sản phẩm, hoặc các đơn vị tính tương tự mà đơn vị dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản.	17.12, 21.14
Giá trị sử dụng của tài sản không tạo tiền	Là giá trị hiện tại của phần lợi ích tiềm tàng còn lại của tài sản.	21.14
Bên góp vốn liên doanh	Là một bên tham gia vào liên doanh và có quyền đồng kiểm soát đối với liên doanh đó.	8.5

**IPSASs trên cơ sở dồn tích trong cuốn sách phát hành vào
tháng 12 năm 2004**

Các chuẩn mực kế toán công quốc tế trên cơ sở dồn tích trong cuốn sách phát hành vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 là:

- IPSAS 1 *Trình bày báo cáo tài chính (5/2000)*
- IPSAS 2 *Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (5/2000)*
- IPSAS 3 *Thặng dư hoặc thâm hụt thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và những thay đổi trong chính sách kế toán (5/2000)*
- IPSAS 4 *Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá hối đoái (5/2000)*
- IPSAS 5 *Chi phí đi vay (5/2000)*
- IPSAS 6 *Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào các đơn vị bị kiểm soát (5/2000)*
- IPSAS 7 *Kế toán các khoản đầu tư vào đơn vị liên kết (5/2000)*
- IPSAS 8 *Báo cáo tài chính đối với các khoản lợi ích từ hoạt động liên doanh (5/2000)*
- IPSAS 9 *Doanh thu từ các giao dịch trao đổi (6/2001)*
- IPSAS 10 *Báo cáo tài chính trong nền kinh tế siêu lạm phát (6/2001)*
- IPSAS 11 *Hợp đồng xây dựng (6/2001)*
- IPSAS 12 *Hàng tồn kho (6/2001)*
- IPSAS 13 *Thuê tài sản (12/2001)*
- IPSAS 14 *Các sự kiện phát sinh sau ngày báo cáo (12/2001)*
- IPSAS 15 *Công cụ tài chính: Thuyết minh và trình bày (12/2001)*
- IPSAS 16 *Bất động sản đầu tư (12/2001)*
- IPSAS 17 *Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị (12/2001)*
- IPSAS 18 *Báo cáo bộ phận (6/2002)*
- IPSAS 19 *Các khoản dự phòng, nợ phải trả tiềm tàng và tài sản tiềm tàng (10/2002)*
- IPSAS 20 *Thông tin về các bên liên quan (10/2002)*
- IPSAS 21 *Tổn thất của tài sản không tạo tiền (12/2004)*